

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 180/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 18/3/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1251/2023/ TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/3/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Y, tỉnh H

*** Bị đơn** : Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Lý Chánh, xã N, thành phố Q, tỉnh B.

(Tại phiên tòa, chị N, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Chị N và anh Đ tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không chăm lo cuộc sống gia đình, nợ nần nhiều lần chị N đã vay mượn trả cho anh để ổn định cuộc sống gia đình, nhưng không vì thế mà anh Đ thay đổi, anh vẫn tiếp tục nợ nhiều hơn, vợ chồng chị N anh Đ đã phải bán nhà để trả nợ cho anh, không có nhà ở nên vợ chồng đã đưa con về nhà mẹ ruột

của chị N để ở nhờ. Sau đó anh Đ vẫn tiếp tục nợ, chị N không có khả năng để tiếp tục trả nợ cho anh nên anh đã bỏ về Nhơn Lý, vợ chồng chị N đã sống ly thân từ tháng 07/2020 đến nay. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018, sức khỏe con bình thường, hiện đang sống chung với chị N.

Ly hôn chị N xin nuôi con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Hiện nay chị N và anh Đ không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024 bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ trình bày:

Anh Đ và chị N tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Hiện vợ chồng anh Đ, chị N đã sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn anh Đ đồng ý.

Vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018, sức khỏe con bình thường, hiện đang sống chung với chị N.

Ly hôn anh Đ đồng ý giao con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Hiện nay anh Đ và chị N không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị N và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 và 72 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ. Về con chung, giao cháu Nguyễn Khánh N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, Chị N và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b khoản

1 Điều 238 BLTTDS nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của chị N và anh Đ có cơ sở xác định: Chị N và anh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 do UBND xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 02/5/2019, tại thời điểm kết hôn hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ phần trình bày của chị N về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do anh Đ không chăm lo cuộc sống gia đình, nợ nần nhiều lần, chị N đã nhiều lần đồng lòng cùng anh Đ để trả nợ nhưng anh Đ không thay đổi. Vợ chồng chị N đã sống ly thân từ tháng 07/2020 đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị N xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Căn cứ lời khai của anh Đ về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, nay chị N xin ly hôn anh Đ đồng ý.

Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2024 tại địa phương cung cấp: Chị N và anh Đ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Lý Chánh, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì địa phương không rõ vì không báo địa phương can thiệp giải quyết. Nếu ly hôn ai có điều kiện nuôi con chung thì địa phương cũng không thể biết được.

Hội đồng xét xử xét thấy cả chị N và anh Đ đều không có nguyện vọng tiếp tục chung sống, mâu thuẫn hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị N.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh Đ cùng xác định vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018, sức khỏe con bình thường, hiện đang sống chung với chị N. Ly hôn chị N yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi con chung, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ cho đến khi phát sinh yêu cầu hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[3.4] Về tài sản chung: Chị N và anh Đ cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quốc Đ.

2- Về con chung:

2.1. Giao 01 con chung tên: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/08/2018 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con;

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000291 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

5- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

